

KT3-00219BTP9/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

22/01/2019
Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG VÀNG – GOLDEN SUGAR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 11/01/2019
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 14/01/2019 – 22/01/2019
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BH – ĐỒNG NAI
Customer
Khu CN BH1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02 & 03/03*
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Trạng thái / <i>Appearance</i>	TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể màu vàng nâu đến nâu, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô không vón cục <i>Brownish yellow to brown crystals, equal size, dry no curdle</i>
7.2. Màu sắc / <i>Colour</i>	TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể màu vàng nâu đến nâu, khi pha trong nước cất cho dung dịch tương đối trong <i>Brownish yellow to brown crystals, when mixing in distilled water for relatively clear solution</i>
7.3. Mùi vị / <i>Odour & taste</i>	TCVN 6961 : 2001	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ <i>Sugar crystals or sugar solution in water have sweet taste, free from foreign odor and taste</i>
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % <i>Sucrose content (m/m)</i>	GS 1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,1
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	0,13
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064 : 2016	0,015	Không phát hiện <i>Not detected</i>



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.10. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,12
7.11. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg <i>Aflatoxin content</i>	AOAC 2016 (991.31)		
• B1		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• B2		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G1		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G2		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg <i>Aflatoxin B1 content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.13. Năng lượng/ <i>Calories</i>	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	
• kcal/100 g			3,98 x 10 ²
• kJ/100 g			1,67 x 10 ³
7.14. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g <i>Carbohydrate content</i>	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	99,5
7.15. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Total fat content</i>	QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.214)- 1986) (Có thủy phân)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.16. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)- 1986) Kjeldahl method	-	0,11

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*.

KT3-00219BTP9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

22/01/2019
Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG VÀNG – GOLDEN SUGAR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 11/01/2019
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 14/01/2019 – 22/01/2019
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BH – ĐỒNG NAI
Customer
Khu CN BH1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, <i>Mesophilic bacteria</i>	CFU/10 g	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	1,5 x 10 ²
7.2. Tổng số nấm men, <i>Total yeasts</i>	CFU/10 g	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Tổng số nấm mốc, <i>Total moulds</i>	CFU/10 g	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	2,0 x 10 ⁰

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

Ngô Quốc Việt



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn